

TỜ TRÌNH
Về việc đề nghị thông qua Kế hoạch tài chính 05 năm 2021-2025.

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch tài chính 05 năm 2021-2025 như sau:

I. Định hướng về bố trí cơ cấu thu, chi và khung cân đối ngân sách tổng thể của địa phương.

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

Dự toán thu ngân sách nhà nước phải xây dựng tích cực, vững chắc, có tính khả thi cao, đánh giá sát khả năng thực hiện thu ngân sách nhà nước năm hiện tại, dự báo các yếu tố thay đổi về năng lực đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu cho năm tiếp theo.



(1) Triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu ngân sách, chuyển giá, trốn thuế; kiểm soát chặt chẽ việc hoàn thuế, đảm bảo hoàn thuế đúng đối tượng, đúng chính sách pháp luật thuế của Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế; xây dựng kế hoạch tăng cường kiểm tra, thanh tra, thu hồi nợ thuế, giảm nợ đọng thuế. Định kỳ công khai số thuế nợ đọng của từng địa phương, doanh nghiệp.

(2) Theo dõi, nắm chắc tình hình kinh tế trên địa bàn; phân tích, đánh giá kỹ các nhân tố làm ảnh hưởng đến tăng, giảm nguồn thu đối với từng ngành, từng lĩnh vực, từng khoản thu, từng sắc thuế, từng doanh nghiệp... kịp thời đề ra những giải pháp quản lý hiệu quả, đưa ra các biện pháp sát với tình hình thực tế; rà soát lại nguồn thu, tìm biện pháp để tăng thu, khai thác nguồn thu mới,... để đảm bảo thu đúng, thu đủ và thu kịp thời các khoản thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

(3) Tăng cường phối hợp giữa cơ quan thu, cơ quan tài chính và các lực lượng chức năng trong công tác quản lý thu ngân sách nhà nước, triển khai quyết liệt các biện pháp chống thất thu ngân sách, trốn thuế, gian lận thương mại; trong đó, tập trung rà soát, nắm chắc đối tượng, nguồn thu ngân sách trên địa bàn đảm bảo thu đúng, thu đủ.

(4) Đẩy mạnh thu biện pháp tài chính, nhất là thực hiện việc bán đấu giá quyền sử dụng đất; tăng cường thu từ tiền chuyển mục đích sử dụng đất, nhất là chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở, kinh doanh; nhanh chóng đưa các khoản thu xử phạt, bán đấu giá tài sản tịch thu sung công quỹ nhà nước vào ngân sách nhà nước kịp thời, đầy đủ.

Loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách, dự toán thu nội địa (không kể thu tiền sử dụng đất, thu cổ tức và lợi nhuận còn lại, thu xổ số kiến thiết) phần đầu tăng bình quân trên 7%/năm so với đánh giá ước thực hiện năm hiện tại.

2. Chi ngân sách địa phương.

a) Chi đầu tư phát triển.

- Chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025 của cấp tỉnh, cấp huyện; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt. Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác. Việc phân bổ vốn đầu tư công phải tuân thủ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các cấp có thẩm quyền về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công.

- Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ngành, địa phương; hoàn trả các khoản vốn ngân sách nhà nước ứng trước kế hoạch; ưu tiên bố trí vốn đối ứng cho chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà

tài trợ nước ngoài; thanh toán các khoản nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư theo quy định để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công khởi công mới giai đoạn 2021-2025.

b) Chi thường xuyên.

- Xây dựng dự toán chi thường xuyên theo từng lĩnh vực, bảo đảm đủ nhiệm vụ, đúng chính sách, chế độ, theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên được quy định; rà soát cắt giảm những khoản chi không thực sự cần thiết; triệt để tiết kiệm, gắn với việc tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo Quyết định số Quyết định số 999 - QĐ/TU ngày 10/4/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc ban hành Đề án triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2018 của BCHTW Đảng khóa XII về việc tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 BCHTW Đảng khóa XII về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát trong việc chi tiêu ngân sách, công tác quản lý chi ngân sách nhà nước, đảm bảo tiết kiệm, chặt chẽ và hiệu quả. Nghiêm túc thực hiện chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên. Rà soát, sắp xếp và phân loại nhiệm vụ chi theo thứ tự ưu tiên và thực hiện chi trong phạm vi nguồn thu được hưởng theo phân cấp và dự toán được giao, đúng tiêu chuẩn, chế độ, định mức.

- Quản lý chặt chẽ việc ứng trước và chuyển nguồn chi thường xuyên; chỉ cho phép chuyển nguồn chi thường xuyên đối với một số khoản chi còn nhiệm vụ và thực sự cần thiết theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện cơ chế giá thị trường có sự điều tiết của Nhà nước đối với giá các dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí, tránh tác động mạnh đến mặt bằng giá cả và lạm phát. Ngân sách nhà nước giảm cấp chi thường xuyên cho các đơn vị sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ, dành nguồn hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng chính sách, thực hiện các chương trình, đề án và mục tiêu phát triển ngành, lĩnh vực, thực hiện cải cách tiền lương, tăng chi đầu tư phát triển. Trên cơ sở đó, cơ cấu lại từng lĩnh vực chi thường xuyên, từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước.

3. Cân đối ngân sách địa phương.

Trong điều kiện địa phương phải nhận bổ sung từ ngân sách Trung ương gần 21% tổng chi cân đối ngân sách, để đảm bảo cân đối ngân sách địa phương hàng năm, nhằm hoàn thành kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước năm 2021-2025, địa phương cần được Trung ương bổ sung thêm nguồn để thực hiện các chế độ chính sách như: tăng lương cơ sở, mua bảo hiểm y tế, kinh phí thực hiện

chính sách an sinh xã hội do tăng thêm đối tượng và mức chi trả so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

II. Dự báo những tác động đến cân đối ngân sách địa phương và các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước năm 2021-2025.

1. Dự báo những tác động đến thu - chi ngân sách địa phương.

a) Thu ngân sách nhà nước 2021-2025.

(1) Trung ương đã ban hành nhiều chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp (Gia hạn nộp thuế; giảm mức thu của 30 loại phí, lệ phí...). Những khó khăn này đang tác động mạnh mẽ, tiêu cực đến công tác thu NSNN trên địa bàn tỉnh trong những năm tiếp theo.

(2) Chưa có các doanh nghiệp lớn đóng góp nguồn thu ổn định cho ngân sách tỉnh, thu ngân sách phụ thuộc nhiều vào giá cả các mặt hàng nông sản có giá trị cao như: cà phê, cao su, hồ tiêu... nên sẽ bị tác động lớn nếu các mặt hàng trên giảm giá; ngoài ra, tình trạng trốn thuế, gian lận thuế dẫn đến thất thu và nợ đọng thuế còn lớn.

(3) Việc thực hiện các chính sách miễn thuế theo các quy định của Trung ương dẫn đến tình không còn nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và thuế giá trị gia tăng từ hoạt động sản xuất, chế biến và kinh doanh nông sản.

b) Chi ngân sách địa phương 2021-2025.

(1) Bình Phước vẫn là tỉnh nghèo, chưa có khả năng tự cân đối ngân sách, ngân sách tỉnh vẫn phải nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương mới đảm bảo nhu cầu chi, nên chưa thể chủ động trong việc triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

(2) Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh chưa đồng bộ, giá trị gia tăng trong sản xuất chưa cao nên nguồn vốn đầu tư hạn chế, trong khi nhu cầu chi cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội là rất lớn, nhất là khoản chi cho giáo dục, y tế; đối tượng chính sách và hỗ trợ vùng sâu và miền núi,...

(3) Để tăng chi đầu tư phát triển của địa phương thì nguồn thu từ tiền sử dụng đất là rất quan trọng, đây là nguồn thu không phân chia, ngân sách địa phương được hưởng 100%. Tuy nhiên hiện nay số thu này còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu cho đầu tư phát triển. Đồng thời nguồn thu này không bền vững vì mỗi năm quỹ đất giảm dần, dẫn đến trong tương lai tỷ lệ thu tiền sử dụng đất sẽ giảm, ảnh hưởng tới tăng chi đầu tư phát triển.

2. Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước năm 2021-2025.

Căn cứ đánh giá tình hình kinh tế - xã hội và những thách thức được dự báo, để hoàn thành kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước năm 2021-2025 của tỉnh; bên cạnh việc nghiêm túc triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn



của Trung ương hàng năm, công tác quản lý tài chính-ngân sách của địa phương cần tập trung một số nội dung sau:

a) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

(1) Tạo mọi điều kiện thuận lợi, tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện tốt công tác quản lý thu ngân sách nhà nước, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu biện pháp tài chính theo quy định của pháp luật.

(2) Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; phát triển kinh tế tư nhân; khuyến khích đầu tư, cạnh tranh lành mạnh, tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động đầu tư, kinh doanh và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư, kinh doanh.

(3) Rà soát, đánh giá lại các nguồn thu nhằm xác định rõ những nguồn thu không ổn định, nguồn thu còn thất thu và nguồn thu còn tiềm năng; hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới;

(4) Tăng cường công tác chống thất thu thuế, chống buôn lậu, gian lận thương mại và gian lận giá; đẩy mạnh công tác quản lý và tập trung thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn.

b) Chi ngân sách địa phương.

(1) Tập trung cơ cấu lại ngân sách nhà nước, tăng cường quản lý nợ công của tỉnh, bảo đảm an toàn và bền vững. Thực hiện nghiêm nguyên tắc vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước chỉ được sử dụng cho đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên.

(2) Từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng hợp lý tỷ trọng chi đầu tư, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên gắn với đổi mới mạnh mẽ khu vực sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ và tinh giản bộ máy, biên chế, thực hiện cải cách tiền lương.

(3) Đẩy mạnh thực hiện khoán chi, đưa vào thu nhập một số chính sách, chế độ theo tiêu chuẩn, định mức chi. Nâng cao hiệu quả chi ngân sách, từng bước triển khai quản lý chi ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ gắn với thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

(4) Bảo đảm tính công khai, minh bạch và công bằng trong lập kế hoạch đầu tư công trung hạn; quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cấp, các ngành và nâng cao hiệu quả đầu tư.

(5) Từng bước giảm dần tỷ trọng vay nợ, chỉ tập trung đầu tư vào các dự án lớn về kết cấu hạ tầng; loại bỏ các dự án đầu tư sử dụng vốn vay không còn phù hợp với điều kiện, tiêu chí về hiệu quả kinh tế và khả năng trả nợ.

(6) Phấn đấu đến năm 2023, tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ

công theo lộ trình của Chính phủ, tạo bước đột phá trong tạo nguồn cải cách tiền lương khu vực này, cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước của từng lĩnh vực, tập trung vào các đối tượng, các tiểu dịch vụ của lĩnh vực mà ngân sách nhà nước phải đảm bảo kinh phí; tạo bước đột phá về tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

(7) Tiếp tục bố trí các nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương); 70% tăng thu ngân sách địa phương hàng năm theo chế độ, số thu được để lại theo chế độ phù hợp với lộ trình kết cấu chi phí vào giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo Nghị định số 16/NĐ-CP để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

(8) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính - ngân sách nhà nước.

III. Kế hoạch tài chính 05 năm 2021-2025

(Kèm theo các Biểu mẫu số: 08, 09, 11, 12 và Dự thảo Nghị quyết)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính; Sở KHĐT;
- Cục Thuế Bình Phước;
- Cục Hải quan Bình Phước;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền



CẬP NHẬT, ĐÁNH GIÁ THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021 - 2025

(Kèm theo Tờ trình số 25 /TTr-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM 2021	NĂM 2022		NĂM 2023		NĂM 2024		NĂM 2025	
			KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
		4	7	8	9	10	11	12	13	14
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A + B)		13.675.000	13.150.000	14.250.000	16.114.000	16.114.000	17.631.000	17.631.000	19.351.000	19.351.000
A	CÁC KHOẢN THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH (I+II+III+IV)	13.657.000	13.150.000	14.250.000	16.114.000	16.114.000	17.631.000	17.631.000	19.351.000	19.351.000
	<i>Tỷ lệ thu NSNN so với GRDP(%)</i>									
	<i>Tỷ lệ thu từ thuế, phí so với GRDP(%)</i>									
I	Thu nội địa	12.370.000	12.000.000	13.100.000	14.900.000	14.900.000	16.350.000	16.350.000	18.000.000	18.000.000
	<i>Tốc độ tăng thu (%)</i>	<i>127</i>	<i>97</i>	<i>106</i>	<i>114</i>	<i>114</i>	<i>110</i>	<i>110</i>	<i>110</i>	<i>110</i>
	<i>Tỷ trọng trong tổng thu NSNN (%)</i>	<i>90</i>	<i>91</i>	<i>92</i>	<i>92</i>	<i>92</i>	<i>93</i>	<i>93</i>	<i>93</i>	<i>93</i>
	<i>Trong đó:</i>									
1	Thu từ khu vực DNNN do TW quản lý	659.000	480.000	500.000	600.000	600.000	680.000	680.000	750.000	750.000
2	Thu từ khu vực DNNN do ĐP quản lý	532.000	440.000	500.000	570.000	570.000	630.000	630.000	630.000	630.000
3	Thu từ khu vực DN có vốn ĐTNN	1.093.000	770.000	900.000	1.150.000	1.150.000	1.350.000	1.350.000	1.550.000	1.550.000
4	Thu từ khu vực kinh tế NQD	1.746.000	1.580.000	1.750.000	2.000.000	2.000.000	2.220.000	2.220.000	2.500.000	2.500.000
5	Thuế thu nhập cá nhân	943.000	660.000	870.000	980.000	980.000	1.230.000	1.230.000	1.110.000	1.110.000
6	Thuế bảo vệ môi trường	196.000	210.000	210.000	230.000	230.000	250.000	250.000	300.000	300.000

STT	NỘI DUNG	NĂM 2021			NĂM 2022		NĂM 2023		NĂM 2024		NĂM 2025	
		KẾ HOẠCH HĐND TÍNH THÔNG QUA	THỰC HIỆN	SO SÁNH KẾ HOẠCH/THỰC HIỆN (%)	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	KẾ HOẠCH TRÌNH HĐND	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH
			4		7	8	9	10	11	12	13	14
2.6	Chi sự nghiệp văn hóa du lịch và thể thao	145.203	115.000	79	158.148	158.148	158.148	158.148	158.148	158.148	158.148	158.148
2.7	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	144.262	106.000	73	127.120	127.120	127.120	127.120	127.120	127.120	127.120	127.120
2.8	Chi đảm bảo xã hội	279.196	270.000	97	284.013	284.013	284.013	284.013	284.013	284.013	284.013	284.013
2.9	Chi quản lý hành chính	1.169.701	1.122.000	96	1.228.865	1.228.865	1.228.865	1.228.865	1.228.865	1.228.865	1.228.865	1.228.865
2.10	Chi an ninh - quốc phòng	285.599	429.000	150	280.964	280.964	280.964	280.964	280.964	280.964	280.964	280.964
2.11	Chi khác ngân sách	37.694	66.000	175	82.706	82.706	82.706	82.706	82.706	82.706	82.706	82.706
3	Chi từ nguồn tăng thu cân đối dự toán điều chỉnh so với dự toán đầu năm	155.602	160.000	103	-	-						
4	Chi thực hiện chính sách tinh giảm biên chế	39.912	40.000	100	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
6	Dự phòng ngân sách	326.597	638.000	195	479.317	504.317	535.188	535.188	564.188	564.188	596.188	596.188
7	Chi cải cách tiền lương	412.378	408.000	99		1.253.601	763.975	763.975	2.102.226	2.102.226	2.767.226	2.767.226
8	Chi đầu tư các dự án CNTT	126.000		-								
II	CHI TRẢ NỢ GỐC		-			-	-	-	-	-	-	-
III	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU				-	-	-	-	-	-	-	-
IV	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG/BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					-	-	-	-	-	-	-
V	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					-	-	-	-	-	-	-
VI	CÁC KHOẢN CHI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH		18.000			-	-	-	-	-	-	-